

Bản án số: 82/2025/HS-ST
Ngày 03 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mỹ.

Ông Võ Đức Thành.

Ông Thái Kiến Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Hợp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 5 và 03 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2025/HSST- QĐ ngày 07/5/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Phúc Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ1), sinh năm 1990 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp G X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Đặng Thị H, sinh năm: 1971; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2023, bị cáo mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hứa Thị T1 – Luật sư Công ty L1 – Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

Bị hại: Bà Dương Tuyết H1, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp G X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. Ông Phạm Đăng K, sinh năm 1979; nơi cư trú: số F khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1996; nơi cư trú: số B đường D, tổ D, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1994, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Dương Tuyết H1 và Nguyễn Phúc Đ (Nguyễn Văn Đ1) có mối quan hệ quen biết do cùng làm nghề kinh doanh bất động sản với nhau. Điền tự giới thiệu có quen biết với nhiều người làm trong ngành Công an nên bà H1 tin tưởng là thật.

Ngày 12/12/2021, Hoàng Gia H3 và Võ Dương Bảo H4 (cả hai là con ruột và cháu ruột của bà H1) tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng tại phường A, thị xã B, tỉnh Bình Dương bị Công an phường A, mời về làm việc và thu giữ xe ô tô Honda Civic màu trắng, biển số 61A-746.31. Bà H1 điện thoại nhờ Đ1 giúp đỡ lo cho Gia H3, Bảo H4 không bị xử lý hình sự và nhờ Đ1 lấy ra xe ô tô bị giữ nêu trên. Đ1 đồng ý giúp bà H1. Sau đó, Đ1 liên hệ với Phạm Đăng K (làm ở Phòng C Công an tỉnh B, hiện nay đã nghỉ hưu), để nhờ lấy chiếc xe ô tô Honda Civic màu trắng, biển số 61A-746, thì K đồng ý. K liên hệ với Công an thành phố B đã giải quyết trả lại chiếc xe ô tô Honda Civic màu trắng, biển số 61A-746.31 cho bà H1.

Khoảng 01 tuần sau, bà H1 tiếp tục liên hệ hỏi Đ1 là sự việc G, Bảo H4 có bị xử lý hình sự không, thì Đ1 đưa ra thông tin là sự việc con, cháu bà H1 là nguy hiểm, sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phạt tù từ 03 năm đến 06 năm. Lúc này, Đ1 nói là sẽ giúp cho con, cháu bà H1 không bị xử lý hình sự. Ngày 21/12/2021, Đ1 hẹn bà H1 đến quán C1 thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để trao đổi về việc con, cháu của bà H1. Tại đây, Đ1 đưa ra thông tin cần 750.000.000 đồng mới giúp được cho con, cháu bà H1 không bị xử lý hình sự.

Từ ngày 21/12/2021 đến 02/11/2022, bà H1 nhiều lần sử dụng số tài khoản 25555555 mở tại Ngân hàng A và tài khoản số 9998686555555 mở tại Ngân hàng Q (MB) tên Dương Tuyết H1 08 lần (qua kiểm tra sao kê tài khoản ngân hàng xác định các lần chuyển tiền vào các ngày 21/12/2021, 19/01/2022, 20/01/2022, 27/01/2022, 09/4/2022, 16/4/2022, 24/5/2022, 02/11/2022) chuyển vào số tài khoản 990123456789 mở tại Ngân hàng Q (MB) tên Nguyễn Phúc Đ với tổng số tiền 1.010.000.000 đồng, để Đ giúp cho con, cháu bà H1. Sau khi nhận được tiền từ bà H1, Đ sử dụng số tiền 150.000.000 đồng chuyển cho K vào ngày 20/01/2022, số tiền còn lại Đ sử dụng tiêu xài.

Ngày 22/02/2023, Hoàng Gia H3 và Võ Dương Bảo H4 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương xử phạt án tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Vì Gia H3 và Bảo H4 vẫn bị xử lý hình sự, không đúng theo như Đ nói nên bà H1 yêu cầu Đ trả lại số tiền mà bà H1 đã đưa cho Đ như đã nêu trên, thì Đ đã trả lại cho bà H1 được 300.000.000 đồng và không tiếp tục hoàn trả số tiền còn lại nên ngày 20/11/2023 bà H1 đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B. Ngày 28/12/2023, Nguyễn Phúc Đ đến

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đầu thú và khai nhận hành vi chiếm đoạt tiền của bà Dương Tuyết H1 như đã nêu trên.

Vật chứng và đồ vật thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng G (thu giữ của bà H1) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng Gold và 01 điện thoại di động nhãn hiệu S S22 Ultra, màu trắng (thu giữ của Đ).

Cáo trạng số 73/CT-VKSBD-P2 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Phúc Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần cáo trạng về tình tiết tăng nặng, biện pháp tư pháp và xác định: về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhiều lần; về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị cáo đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 10 năm đến 11 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường 600.000.000 đồng; tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng G (thu giữ của bà H1) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng Gold là của bà H1 cho bị cáo mượn, bị cáo đã giao nộp và Cơ quan điều tra đã trả cho bà H1 nên không đề nghị xem xét. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra, màu trắng thu giữ của Đ, bị cáo sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với hành vi của bà H1 đưa cho Nguyễn Phúc Đ số tiền 1.010.000.000 đồng để lo cho con và cháu là Hoàng Gia H3 và Võ Dương Bảo H4 không bị xử lý về hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng” xảy ra ngày 12/12/2021 tại phường A, thị xã B, tỉnh Bình Dương có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ”. Tuy nhiên, trước khi bị phát giác, bà H1 đã chủ động khai báo và không có bàn bạc, trao đổi hoặc gặp người có chức vụ, quyền hạn để lo việc cho con, cháu không xử lý về hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề nghị xem xét trách nhiệm của bà H1 là có căn cứ.

Người bào chữa trình bày: Thống nhất về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo; tuy nhiên vụ án này xuất phát từ mối quan hệ và giúp đỡ lẫn nhau, bị cáo cũng đã tác động để hai con, cháu bà H1 là Hoàng Gia H3 và Võ Dương Bảo H4 được trả tự do, xin lấy xe vì phạm mà không đòi hỏi lợi ích vật chất gì, chỉ khi bị hại nhờ bị cáo lo cho con, cháu không bị xử lý thì bị cáo mới nhận của bị hại 750.000.000 đồng nhưng do bà H1 không có tiền nên chuyển khoản nhiều lần. Đối với số tiền 150.000.000 đồng là do bà H1 tặng cho bị cáo, số tiền 110.000.000 đồng là tiền bị cáo mượn, không liên quan đến việc phạm tội. Như vậy, số tiền 750.000.000 đồng bà H1 đưa cho bị cáo là giao dịch dân sự, khi các

cháu là Hoàng Gia H3 và Võ Dương Bảo H4 vẫn bị xử lý hình sự thì bị cáo đã tự nguyện trả 300.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo xin trả sau thì bà H1 cũng đồng ý. Chỉ đến khi bị cáo không có tiền trả thì bà H1 mới tố giác. Như vậy, hành vi của bị cáo chỉ chiếm đoạt 450.000.000 đồng nên chỉ cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Người bào chữa không đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên về áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo trình bày: Bị cáo thông nhất với cáo trạng truy tố, bị cáo xin lỗi bị hại, xin hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Bị hại trình bày: Nội dung sự việc như bản cáo trạng nêu. Trong số tiền 1.010.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt thì lúc đầu bị cáo yêu cầu đưa 750.000.000 đồng để lo không xử lý hình sự, sau đó yêu cầu đưa thêm 110.000.000 đồng để lo việc, riêng 150.000.000 đồng là bị hại tặng bị cáo nếu các con, cháu bị hại không bị xử lý hình sự nhưng bị cáo không thực hiện được. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã hoàn trả 300.000.000 đồng; mẹ bị cáo là bà Đặng Thị H trả cho bị hại 300.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 410.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền này và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đặng Thị H trình bày: Bà H là mẹ bị cáo, do bị cáo nhờ nên bà H trả thay cho bị cáo số tiền 300.000.000 đồng cho bà H1. Bà H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đăng K có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt ông K.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phúc Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tình tiết như nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản chiếm đoạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/12/2021 đến ngày 02/11/2022, bị cáo Nguyễn Phúc Đ đưa ra thông tin gian dối

mình có quen biết người có thẩm quyền trong ngành công an và có khả năng lo cho con, cháu bà Dương Tuyết H1 không bị xử lý hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng” (đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B khởi tố) để cho bà H1 tin tưởng là thật và nhiều lần chuyển số tiền 1.010.000.000 đồng vào số tài khoản 990123456789 của Đ mở tại Ngân hàng TMCP Q để Điền lo công việc. Đ đã chiếm đoạt số tiền 1.010.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Do đó, Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Phúc Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. LỜI LƯẬN TỘI và mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền chiếm đoạt còn lại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Phần trình bày của người bào chữa là không có căn cứ, không phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất lòng tin và nghi kỵ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất trật tự trị an và tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 1.010.000.000 đồng, bị cáo và mẹ bị cáo là bà Đặng Thị H đã hoàn trả cho bị hại 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 410.000.000 đồng; bà H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền bà H đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động hiệu S S22 Ultra, màu trắng số imei: 350272/25/228700/9 (không mở được nguồn, không kiểm tra

tình trạng hoạt động) thu giữ của bị cáo Đ, chiếc điện thoại này bị cáo sử dụng làm phương tiện trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[13] Bị cáo cho rằng sau khi nhận tiền của bị hại, bị cáo đã đưa cho ông Phạm Đăng K, qua làm việc với ông K, ông K thừa nhận có mượn của Đ số tiền 150.000.000 đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản ngân hàng và 5.000.000 đồng mượn của Đ trước đó. Tuy nhiên, ông K không biết nguồn tiền từ đâu mà Đ có và trong quá trình điều tra không có tài liệu, chứng cứ, chứng minh Đ nhờ K lo cho con, cháu bà H1 nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với ông K. Hiện tại K1 đã trả lại cho Đ số tiền mà ông K mượn nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc Đ 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra, màu trắng số imei: 350272/25/228700/9 (không mở được nguồn, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương)

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Phúc Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an tỉnh Bình Dương (cấp Lý lịch tư pháp);
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, BPH, 23.

Lê Sỹ Trứ